TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Thị Mai Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Kim H, nơi cư trú: Thôn NL, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Thôn NL, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Kim H trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị T trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng từ ngày 20 tháng 10 năm 2011. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2018, chị T đi lao động ở nước ngoài (Nhật Bản), mỗi người sống một nơi nên từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm. Anh chị sống ly thân với nhau được khoảng hai năm nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh chỉ biết địa chỉ cuối cùng của chị T tại Việt Nam ở thôn NL, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng còn địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản của chị T thì anh không biết. Chị T vẫn liên lạc với người thân trong gia đình chị là anh Lê Bá Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 3, xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (anh trai của chị T). Nay, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị T để anh nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Kim Q, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 02/8/2013. Hiện nay, các cháu đang sống cùng với anh và ông bà nội, sức khỏe các cháu bình thường. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh xin tự giải quyết với chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xin tự giải quyết với chị T về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị T:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho anh trai chị T là anh Lê Bá Đ. Tòa án đã 2 lần thông báo cho anh Lê Bá Đ cung cấp địa chỉ của chị T ở Nhật Bản và yêu cầu anh Đ cho biết kết quả về việc anh đã thông báo cho chị T để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã ủy thác tiến hành lấy lời khai của anh Đ thể hiện: Chị T có liên lạc với anh Đ nH anh Đ không biết địa chỉ cụ thể chị T ở Nhật Bản. Việc ly hôn là việc riêng chị T và anh H, gia đình anh không có liên quan. Đến nay, chị T vẫn không gửi lời khai hay bất cứ tài liệu nào khác về cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Kim H và chị Lê Thị T đều vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của anh H, anh vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụn g dân sự; bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Kim H và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng từ ngày 20 tháng 10 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Kim Q, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 02/8/2013 cho anh H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh H xin tự giải quyết với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh H xin tự giải quyết với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn anh Nguyễn Kim H hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn chị Lê Thị T đang sinh sống ở Nhật Bản, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Kim H và chị Lê Thị T đều vắng mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị T: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa chị Lê Thị T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Kim H và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng từ ngày 20 tháng 10 năm 2011 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2018, chị T đi lao động ở nước ngoài (Nhật Bản). Chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng không tin tưởng vào nhau về tình cảm và kinh tế, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân

với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh H.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Kim H và chị Lê Thị T có hai con chung là: Nguyễn Kim Q, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 02/8/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay, chị T đang ở nước ngoài, các con chung đang ở với anh H. Mặt khác, anh H, gia đình anh H và các con chung đều có nguyện vọng để cho anh H được nuôi dưỡng các con chung. Do đó, cần giao các con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H xin tự giải quyết với chị T nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Kim H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Lê Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Kim H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Kim H và chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Kim H được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Kim Q, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 và Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2013 cho anh Nguyễn Kim H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Kim H không yêu cầu giải quyết, anh xin tự giải quyết với chị Lê Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Kim H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Lê Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Kim H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm . NH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008541 ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Anh Nguyễn Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Kim H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến